

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng và máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; mức giá, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; mức giá, số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg theo quy định tại điểm đ khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.



b) Thẩm quyền quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước trên môi trường số để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số theo quy định tại khoản 1 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

c) Thẩm quyền quyết định số lượng máy móc, thiết bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số theo quy định tại khoản 2 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

d) Thẩm quyền quyết định mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số theo quy định tại khoản 3 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

đ) Thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

e) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

g) Thẩm quyền quyết định mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

c) Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; mức giá, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; mức giá, số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết

bị phục vụ hoạt động chung; mức giá, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; mức giá, số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; mức giá, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; mức giá, số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 và thay thế Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CSDL văn bản QPPL tỉnh Tuyên Quang;
- Báo và PTTH Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị (đăng Công báo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CVNCTH *me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

